



ISPAE

Số Tháng 12/2025

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH
XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN**

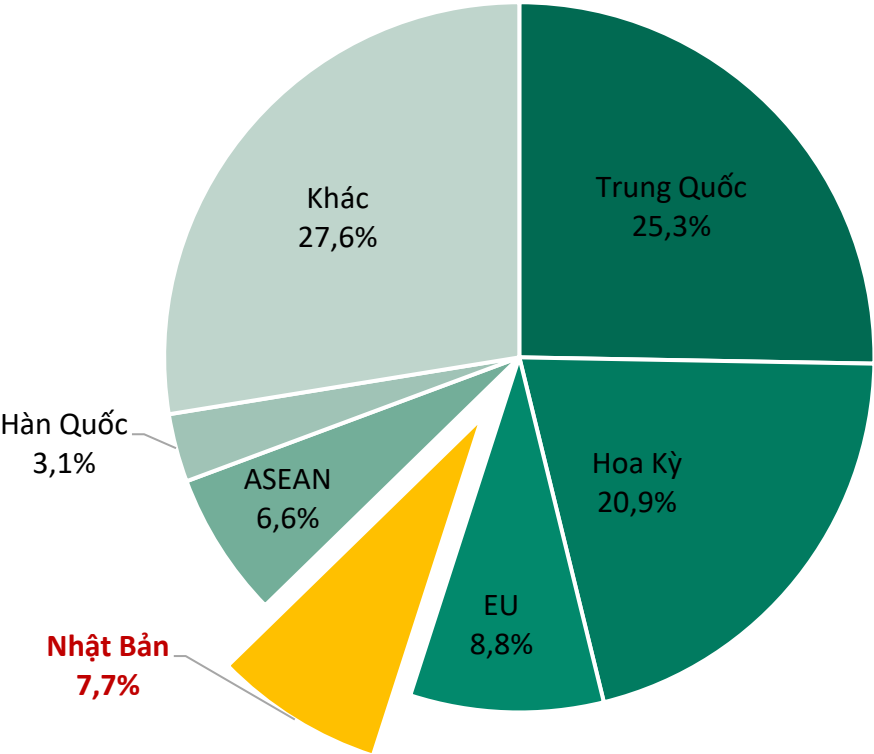
THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN

Thực hiện: **AGREINFOS**



TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN THÁNG 11/2025

Tỷ trọng xuất khẩu NLTS Việt Nam - Nhật Bản, T11/2025



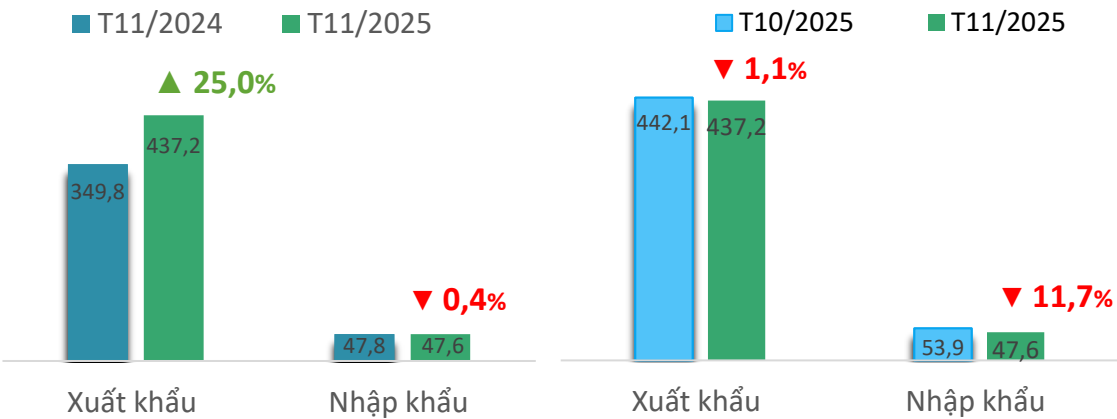
Biến động tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường Nhật Bản, T11/2025 so với T10/2025 và T11/2024

Thị trường	Giá trị (triệu USD)	So với T10/2025	So với T11/2024
Trung Quốc	1.431	▼ 2,2%	▲ 3,4%
Hoa Kỳ	1.182	▼ 0,6%	▼ 1,7%
EU	498	▲ 0,8%	▲ 0,9%
Nhật Bản	437	▲ 0,4%	▲ 1,2%
ASEAN	375	▲ 0,5%	▼ 4,0%
Hàn Quốc	176	▼ 0,2%	▼ 0,9%
Tổng XK	5.658		

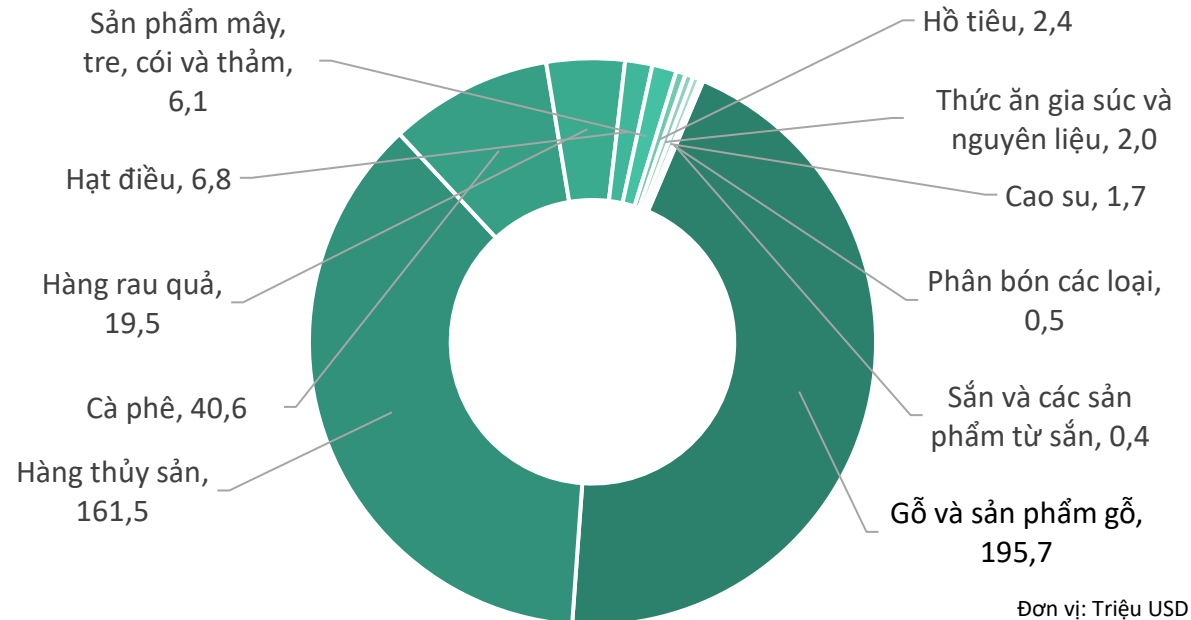
TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN THÁNG 11/2025

Đơn vị: Triệu USD

Kim ngạch xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam - Nhật Bản, T11/2025

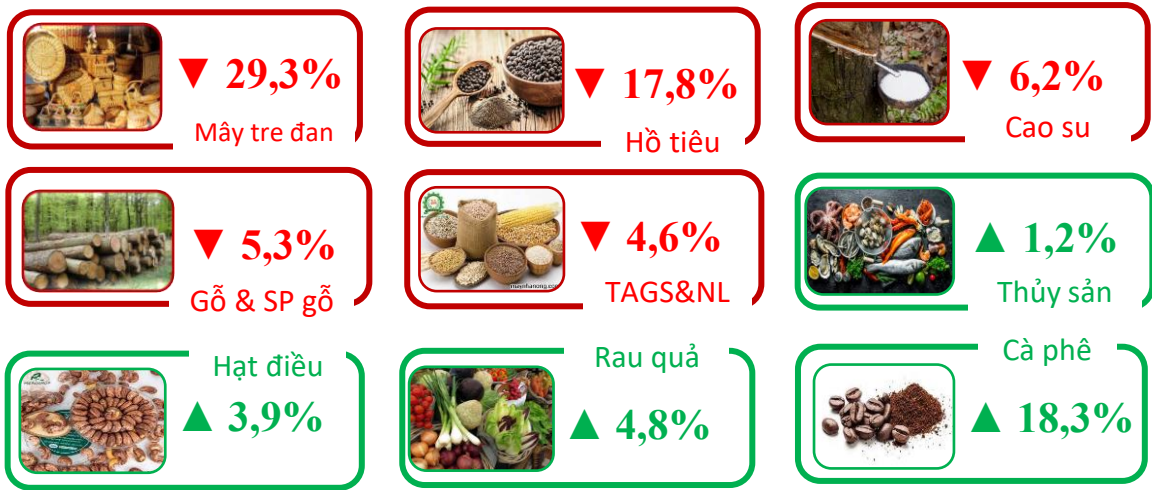


Kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Nhật Bản, T11/2025

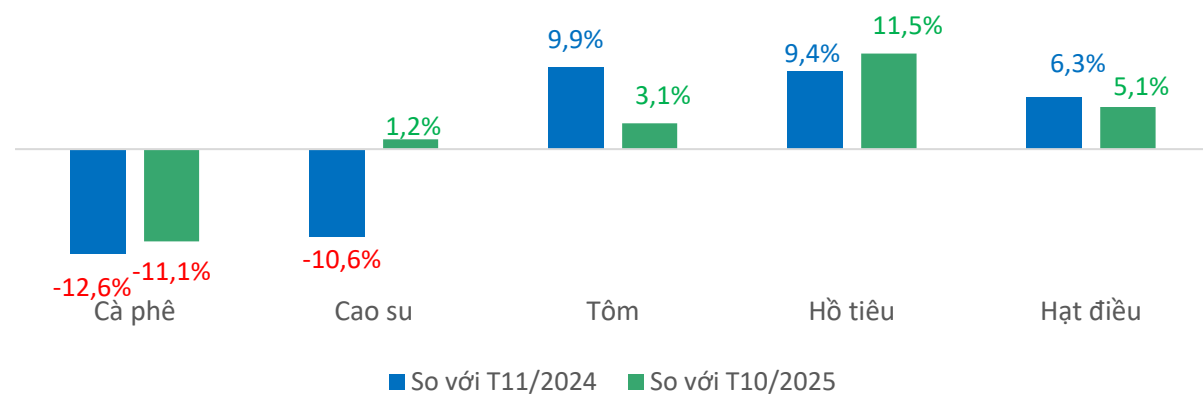


Đơn vị: Triệu USD

Biến động giá trị XK NLTS chính sang thị trường Nhật Bản, T11/2025 so với T10/2025



Biến động giá XK bình quân của một số sản phẩm NLTS chính sang thị trường Nhật Bản, T11/2025 so với tháng trước và cùng kỳ 2024



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Nhật Bản nâng dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2026 lên 1,3%

Ngày 24/12/2025, Chính phủ Nhật Bản cho biết nền kinh tế được kỳ vọng tăng trưởng 1,1% trong năm tài khóa hiện tại, cao hơn mức dự báo 0,7% đưa ra hồi tháng 8, nhờ tác động từ thuế quan của Hoa Kỳ thấp hơn dự kiến.

Tăng trưởng được dự báo sẽ tăng lên 1,3% trong năm tài khóa 2026 (bắt đầu từ ngày 01/4/2026), khi tiêu dùng và đầu tư ổn định,

bù đắp cho nhu cầu bên ngoài suy yếu.

Ngân sách cho năm tài khóa tới nhiều khả năng sẽ ghi nhận tổng chi tiêu ở mức kỷ lục, phù hợp với định hướng nới lỏng tài khóa của Chính phủ. Tuy nhiên, điều này cũng làm gia tăng lo ngại trên thị trường về tình trạng nguồn cung trái phiếu tăng mạnh và đẩy lợi suất trái phiếu chính phủ tăng lên.



Nguồn: vtv.vn

Nhật Bản nâng lãi suất lên cao nhất 30 năm

Ngày 19/12, Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) tăng lãi suất tham chiếu ngắn hạn thêm 25 điểm cơ bản (0,25%) lên 0,75%. Đây là mức cao nhất kể từ năm 1995. Dù vậy, BOJ cho biết lãi suất thực vẫn "ở mức âm đáng kể". Cơ quan này khẳng định việc nới lỏng chính sách tiền tệ tiếp tục hỗ trợ cho hoạt động kinh tế.

Đợt nâng lãi suất này cũng diễn ra trong bối

cảnh lợi suất trái phiếu chính phủ Nhật Bản lên mức cao nhất nhiều thập kỷ, làm tăng rủi ro chi phí vay cao hơn và tạo thêm áp lực ngân sách. Nền kinh tế lớn thứ hai châu Á hiện có tỷ lệ nợ công trên GDP cao nhất thế giới, gần 230%, theo số liệu của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF).

Theo nhận định của Oxford Economics, BOJ nhiều khả năng tiếp tục tăng lãi suất vào giữa năm 2026, đưa lãi suất cuối chu kỳ lên 1%.



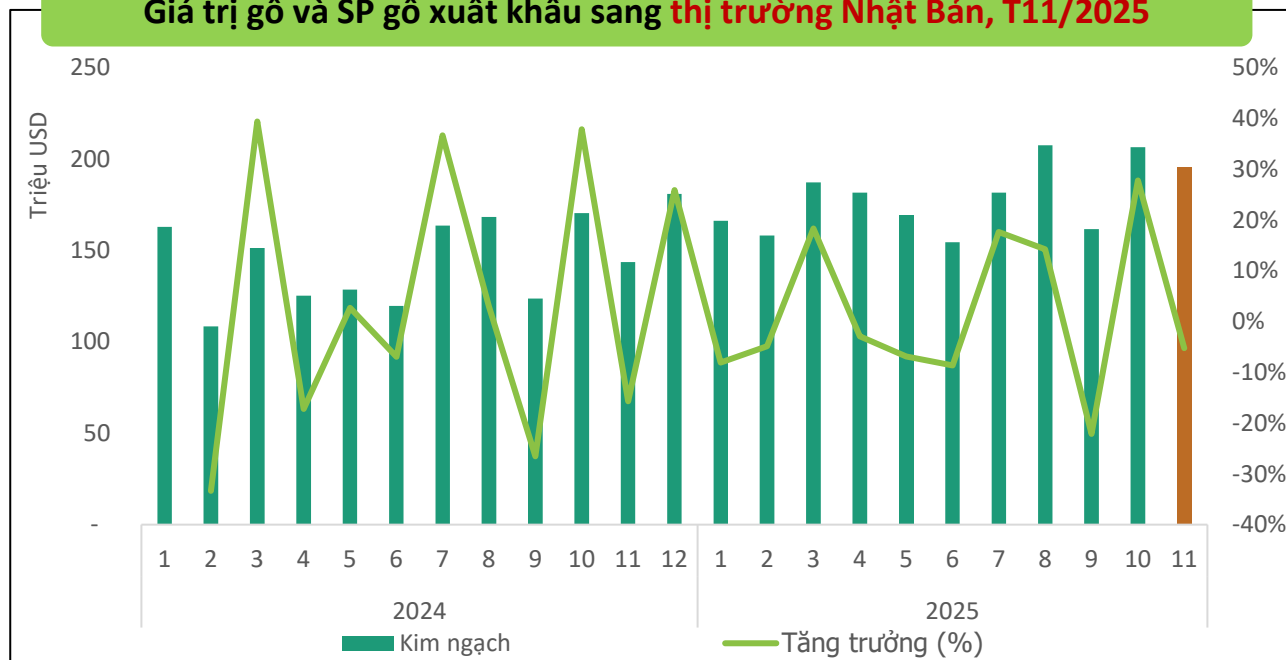
Nguồn: vnexpress.net





GỖ VÀ SP GỖ

Giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Nhật Bản, T11/2025

KIM NGẠCH



196

triệu USD

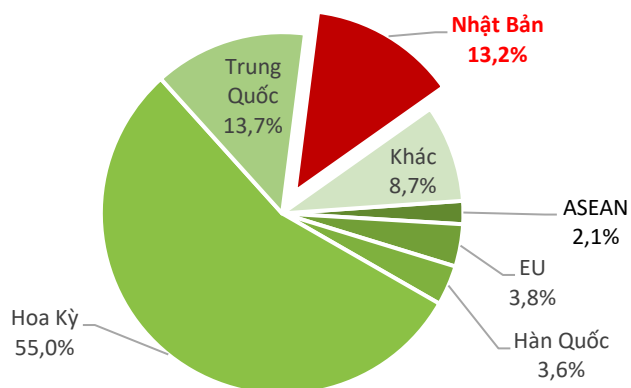
↘ Giảm **5,3%** so với T10/2025

↗ Tăng **36,2%** so với T11/2024

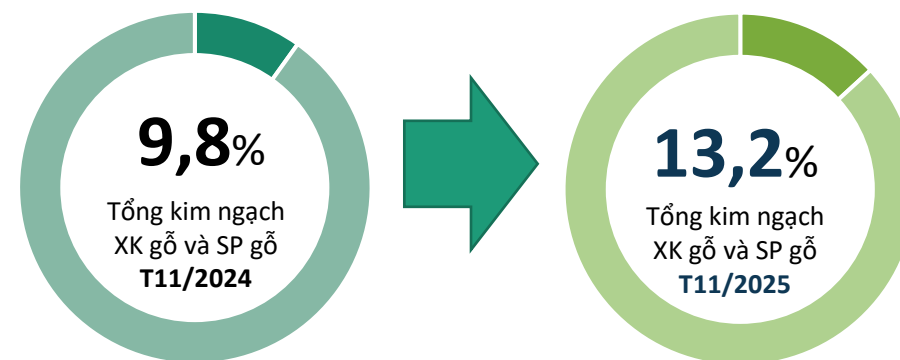
↗ Cao hơn **50,1 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2024

❖ Lũy kế 11 tháng đầu năm 2025 đạt **2,0** tỷ USD, đạt **112,8%** kim ngạch 2024

Tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ VN sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



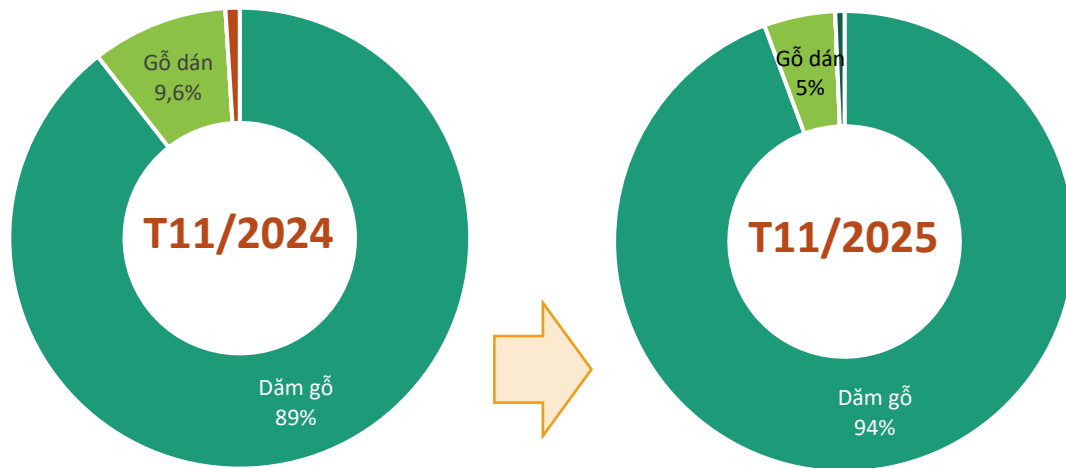
Biến động tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ VN sang thị trường Nhật Bản, T11/2025





GỠ VÀ SP GỠ

Cơ cấu chủng loại gỗ và SP gỗ XK sang **thị trường Nhật Bản, T11/2025**



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang **thị trường Nhật Bản, T11/2025**



Dăm gỗ

Kim ngạch: **126,7** triệu USD

Tăng **2%** so với T10/2025

Tăng **81%** so với T11/2024



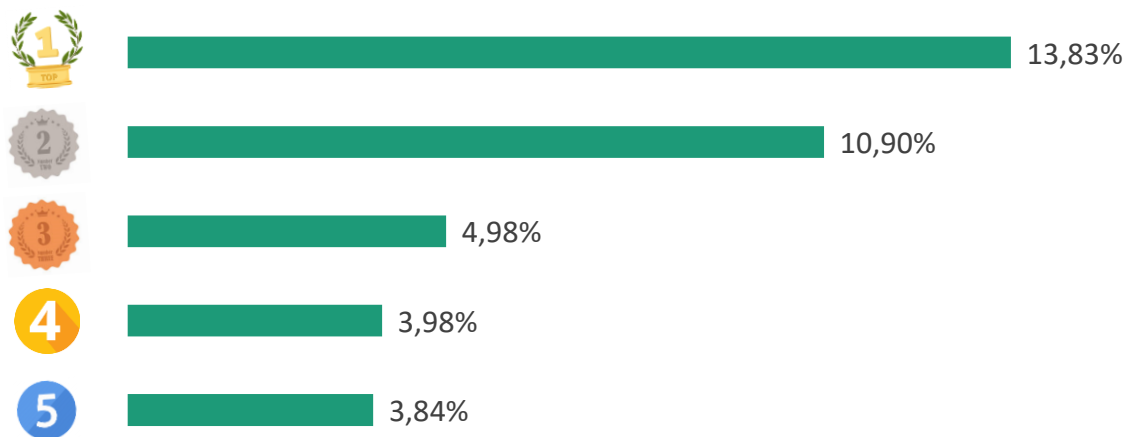
Gỗ dán

Kim ngạch: **8,3** triệu USD

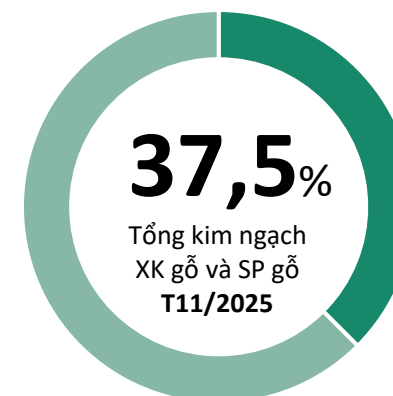
Tăng **12%** so với T10/2025

Giảm **10%** so với T11/2024

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang **thị trường Nhật Bản, T11/2025**



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang **thị trường Nhật Bản, T11/2025**





GỖ VÀ SP GỖ

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SP GỖ NHẬT BẢN



Thị trường gỗ Nhật Bản trong nửa cuối 2025 tiếp tục chịu áp lực lớn từ sự suy yếu của đồng Yên (152,87 JPY/USD) và lạm phát, khiến chi phí nhập khẩu gia tăng và nhu cầu thực tế đối với vật liệu xây dựng (như ván ép) vẫn trầm lắng do hoạt động khởi công nhà ở mới chững lại.

Niềm tin người tiêu dùng có dấu hiệu phục hồi nhẹ nhưng các nhà xuất khẩu Việt Nam vẫn đối mặt với biến động trái chiều. Việt Nam duy trì vị thế là nhà cung cấp lớn thứ hai về nội thất nhà bếp (27% thị phần) và phòng ngủ (29%), nhưng kim ngạch nhập khẩu nhóm nội thất nhà bếp đang giảm sút trong sự cạnh tranh gay gắt với Philippines và Trung Quốc, trong khi nhóm bộ phận đồ gỗ lại ghi nhận sự cải thiện nhẹ về thị phần (lên 14%).

Đáng chú ý, rào cản dài hạn đang dần hiện rõ khi Chính phủ Nhật Bản đề xuất tăng mạnh ngân sách lâm nghiệp năm 2026 và thúc đẩy chiến lược "Quốc gia Rừng, Thành phố Gỗ" nhằm ưu tiên tối đa việc sử dụng nguồn gỗ nội địa để thay thế hàng nhập khẩu và giảm phát thải.

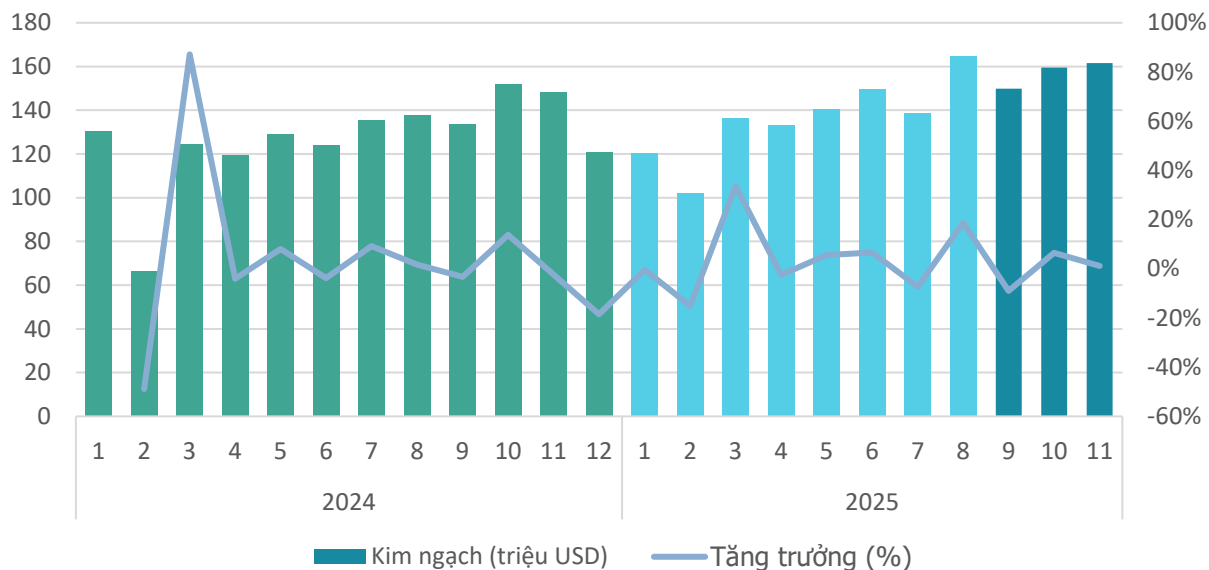


TIN LIÊN QUAN



THỦY SẢN

Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Nhật Bản, T11/2025

KIM NGẠCH

161,5 triệu USD



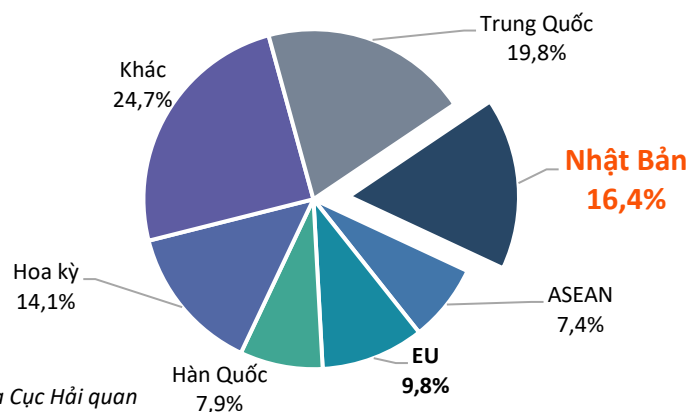
➤ Tăng **1,2%** so với T10/2025

➤ Tăng **9,0%** so với T11/2024

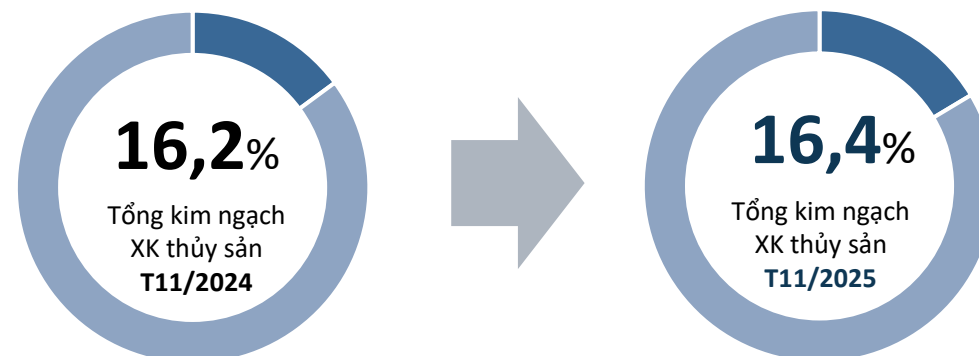
▲ Cao hơn **34,6** triệu USD so với bình quân theo tháng năm 2024

❖ Lũy kế 11 tháng 2025 đạt **1557,0** triệu USD, đạt **102,2%** kim ngạch 2024

Tỷ trọng giá trị thủy sản Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



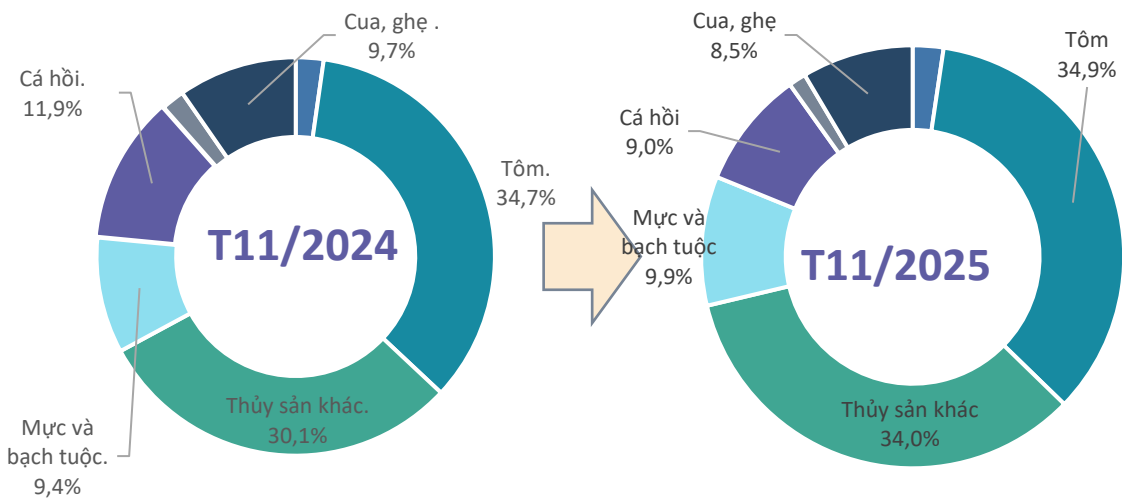
Biến động tỷ trọng giá trị thủy sản sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



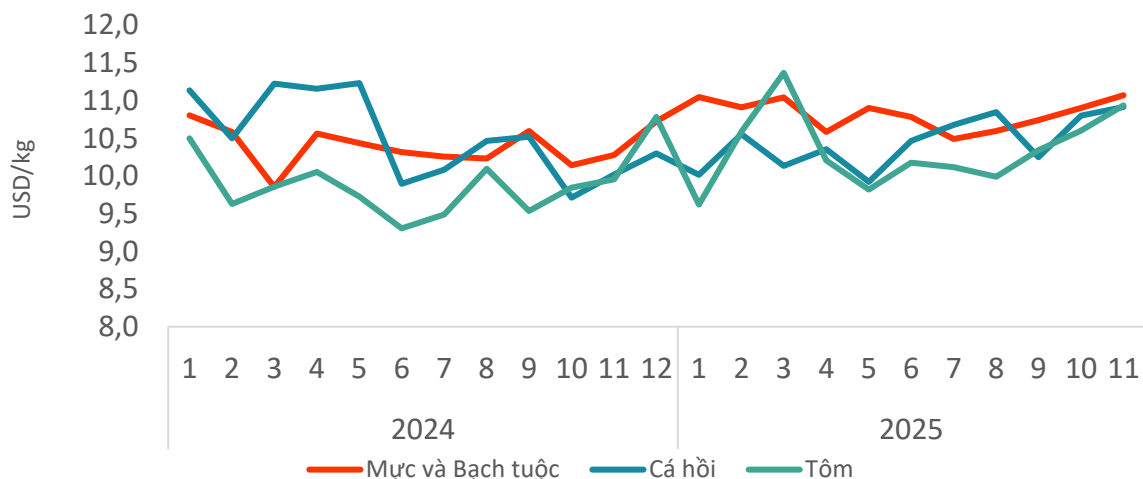


THỦY SẢN

Cơ cấu chủng loại thủy sản xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



Giá thủy sản xuất khẩu bình quân sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



Cá hồi

Kim ngạch: **14,5** Triệu USD
Giảm **2,1%** so với T10/2025
Giảm **18,1%** so với T11/2024



Tôm

Kim ngạch: **56,4** Triệu USD
Tăng **11,8%** so với T10/2025
Tăng **9,6%** so với T11/2024



Mực và bạch tuộc

Kim ngạch: **16,0** Triệu USD
Tăng **11,3%** so với T10/2025
Tăng **14,6%** so với T11/2024

Mực và Bạch tuộc

Giá xuất khẩu bình quân trong T11/2025 ở mức **11,1** USD/kg; **tăng 2,0%** so với tháng trước; và **tăng 7,7%** so với cùng kỳ năm 2024.

Cá hồi

Giá xuất khẩu bình quân trong T11/2025 ở mức **10,9** USD/kg; **tăng 1,3%** so với tháng trước; và **tăng 8,9%** so với cùng kỳ năm 2024.

Tôm

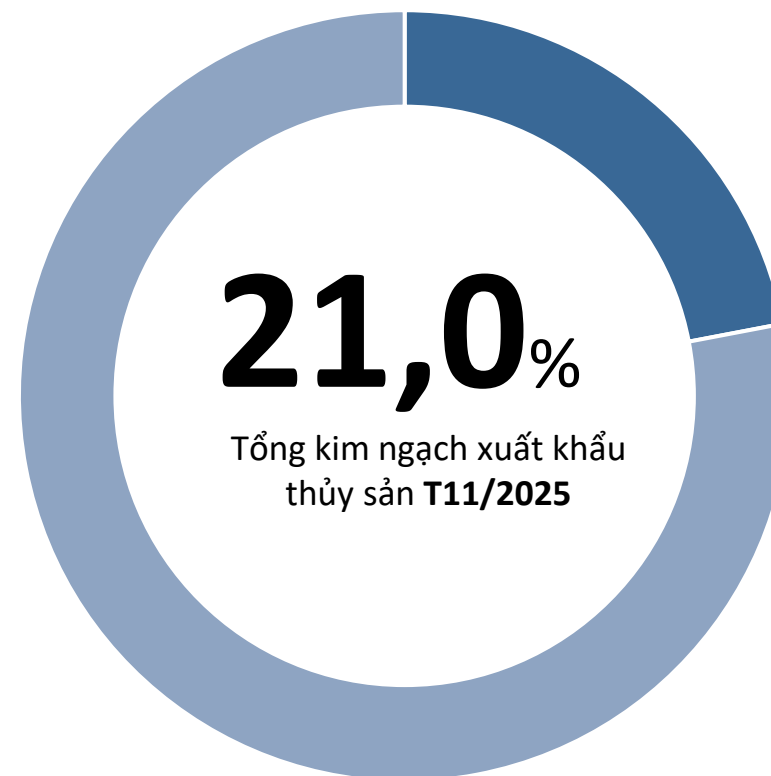
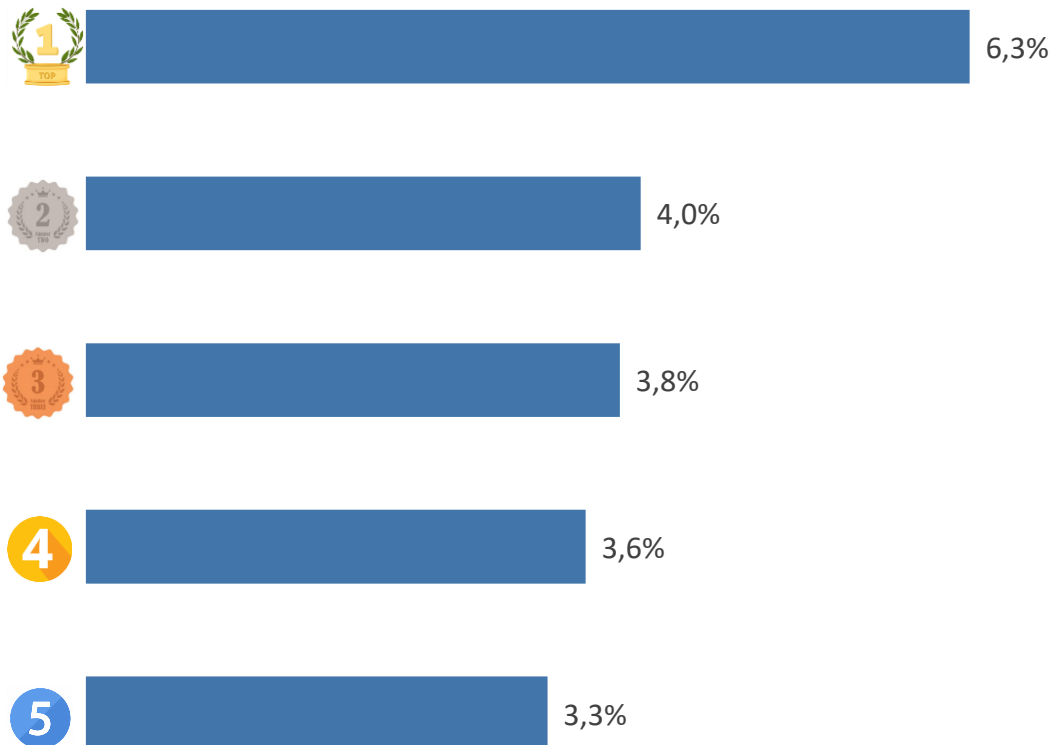
Giá xuất khẩu bình quân trong T11/2025 ở mức **10,9** USD/kg; **tăng 3,4%** so với tháng trước; và **tăng 9,9%** so với cùng kỳ năm 2024.



THỦY SẢN

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Nhật Bản, T11/2025

Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



Ngành surimi Nhật Bản dự báo giá tăng mạnh

Ngành surimi Nhật Bản tiếp tục kêu gọi các nhà bán lẻ và người tiêu dùng chia sẻ khó khăn khi chi phí nguyên liệu, lao động, bao bì và năng lượng đồng loạt leo thang. Hiệp hội Kamaboko Nhật Bản cho biết chi phí sản xuất các sản phẩm surimi (“neri” như kamaboko, chikuwa...) đã tăng thêm khoảng 4–5% chỉ trong giai đoạn tháng 8–9/2025, và giá surimi cá minh thái Alaska được dự báo sẽ tăng trong quý I/2026, làm gia tăng áp lực lên các nhà sản xuất.

Theo Hiệp hội, nguyên liệu thô vẫn là yếu tố gây sức ép lớn nhất: giá surimi mùa B năm 2024 cao hơn khoảng 15% so với mùa A, thị trường đã xuất hiện dự đoán về một đợt tăng tiếp theo vào mùa A năm 2026; surimi khối sản xuất tại Đông Nam Á cũng tăng hơn 10% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, giá trứng duy trì ở mức cao; chi phí khí tự nhiên, dầu nặng và điện tăng do biến động tỷ giá và giá dầu thô, trong khi lương tối thiểu tăng khiến chi phí nhân công, hậu cần và vận chuyển tiếp tục đội lên.

Dù doanh nghiệp đã tối ưu sản xuất và siết chi phí, Hiệp hội cảnh báo dư địa “gồng” chi phí đang cạn dần nếu không muốn ảnh hưởng chất lượng hoặc nguồn cung. Đại diện gần 500 nhà sản xuất surimi, Hiệp hội kêu gọi hệ thống bán lẻ và người tiêu dùng thấu hiểu áp lực chi phí ngày càng lớn, cho thấy cuộc khủng hoảng chi phí trong ngành vẫn mang tính hệ thống và chưa có dấu hiệu hạ nhiệt.

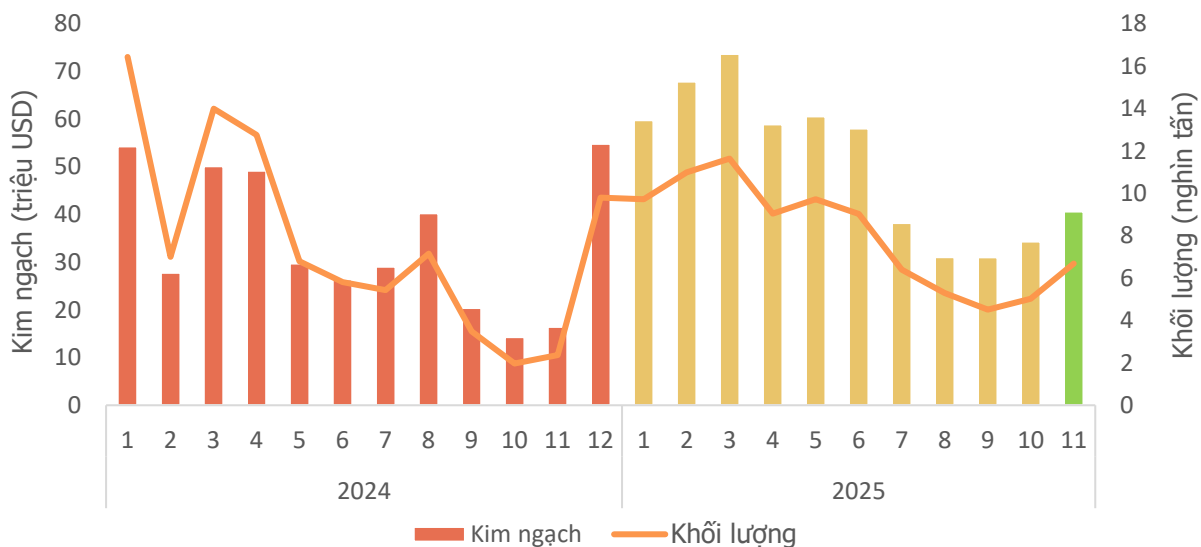
Nguồn: Vasep



Tin liên quan

CÀ PHÊ

Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường Nhật Bản, T11/2025

KIM NGẠCH
40,6 triệu USD

➤ Tăng **18,3%** so với T10/2025

➤ Tăng **147,5%** so với T11/2024

➤ Cao hơn **6,2 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2024.

❖ Giá trị xuất khẩu 11 tháng năm 2025 đạt **553,9** tr.USD, đạt **134,2%** kim ngạch 2024.

KHỐI LƯỢNG
6,7 nghìn tấn

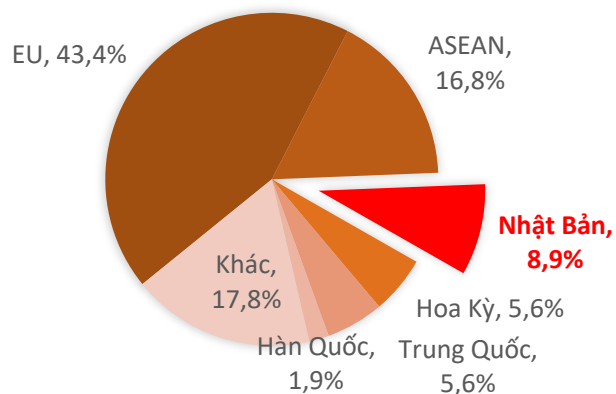
➤ Tăng **33,2%** so với T10/2025

➤ Tăng **183,1%** so với T11/2024

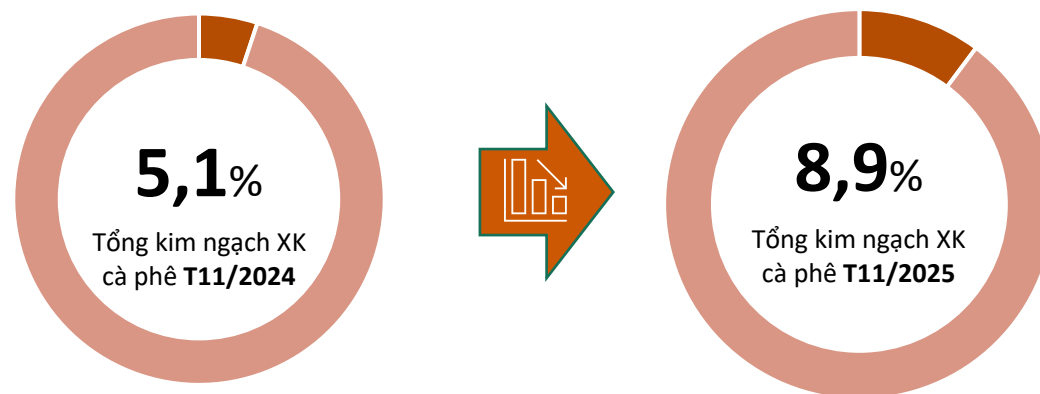
➤ Thấp hơn **1,1 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2024.

❖ Khối lượng xuất khẩu 11 tháng năm 2025 đạt **88** nghìn tấn, đạt **94,7%** khối lượng năm 2024.

Tỷ trọng giá trị cà phê Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, T11/2025

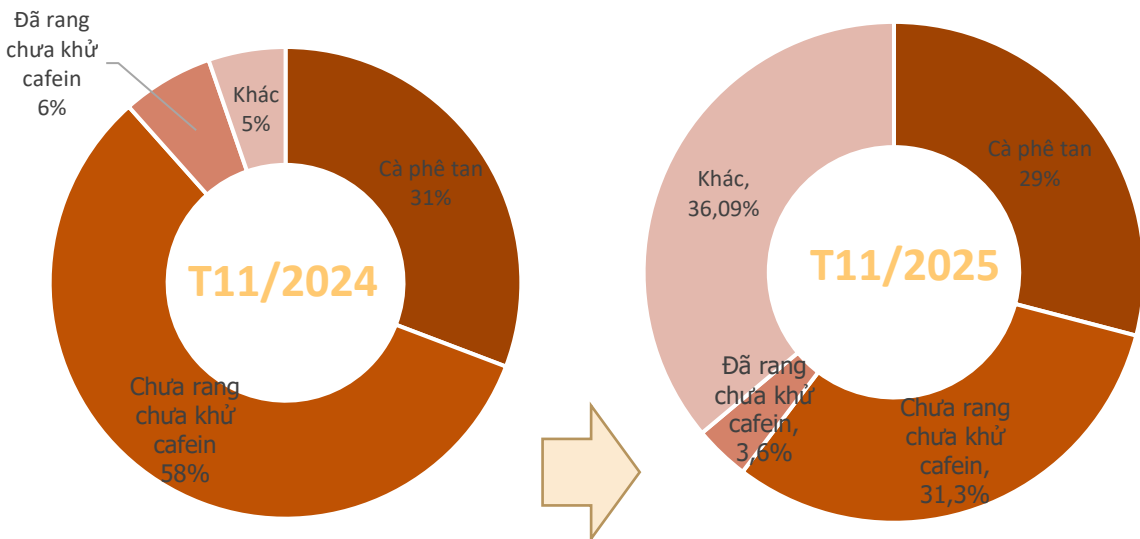


Biến động tỷ trọng giá trị cà phê XK sang thị trường Nhật Bản, T11/2025

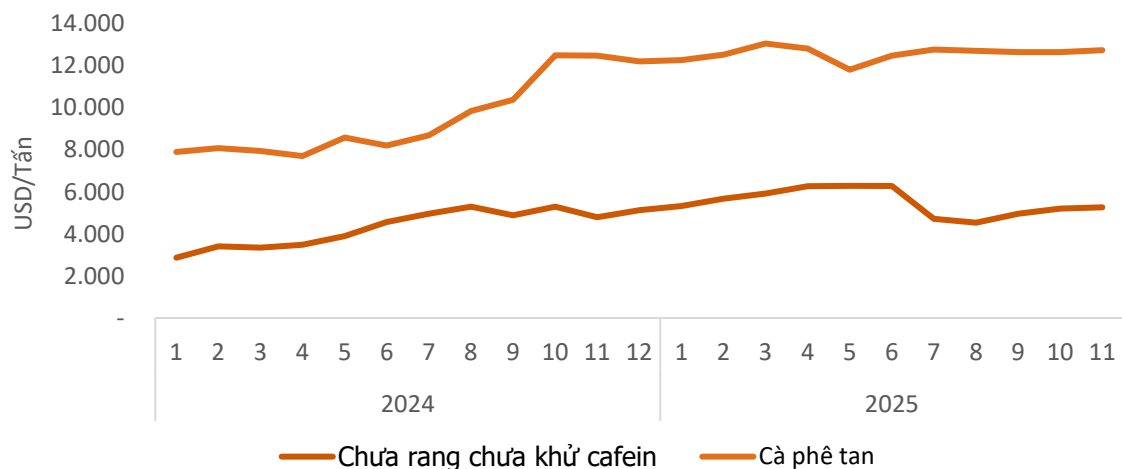


CÀ PHÊ

Cơ cấu chủng loại cà phê xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



Nguồn: Cục Hải quan

Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



Chưa rang chưa khử cafein

Kim ngạch: **23.2** Triệu USD
Tăng **64,6%** so với T10/2025
Tăng **326,5%** so với T11/2024



Cà phê tan

Kim ngạch: **12,4** Triệu USD
Giảm **5,6%** so với T10/2025
Tăng **75,1%** so với T11/2024



Đã rang chưa khử cafein

Kim ngạch: **2,5** Triệu USD
Tăng **56,3%** so với T10/2025
Tăng **52,1%** so với T11/2024

Cà phê tan

Giá xuất khẩu bình quân trong T11/2025 ở mức **12.585** USD/tấn, **tăng 0,8%** so với tháng trước, và **tăng 2,1%** so với cùng kỳ năm 2024.

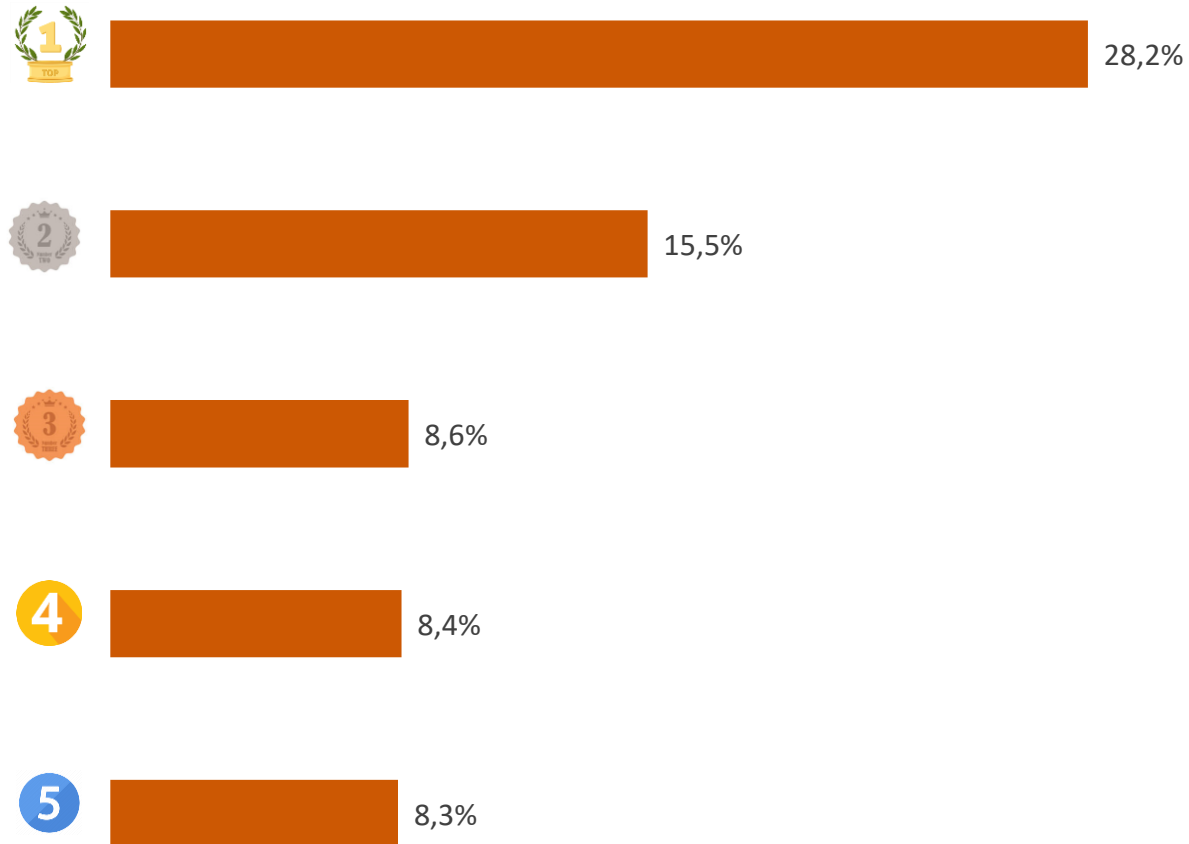
Cà phê chưa rang chưa khử cafein

Giá xuất khẩu bình quân trong T11/2025 ở mức **5.689** USD/tấn; **tăng 1,2%** so với tháng trước, và **tăng 9,9%** so với cùng kỳ năm 2024.

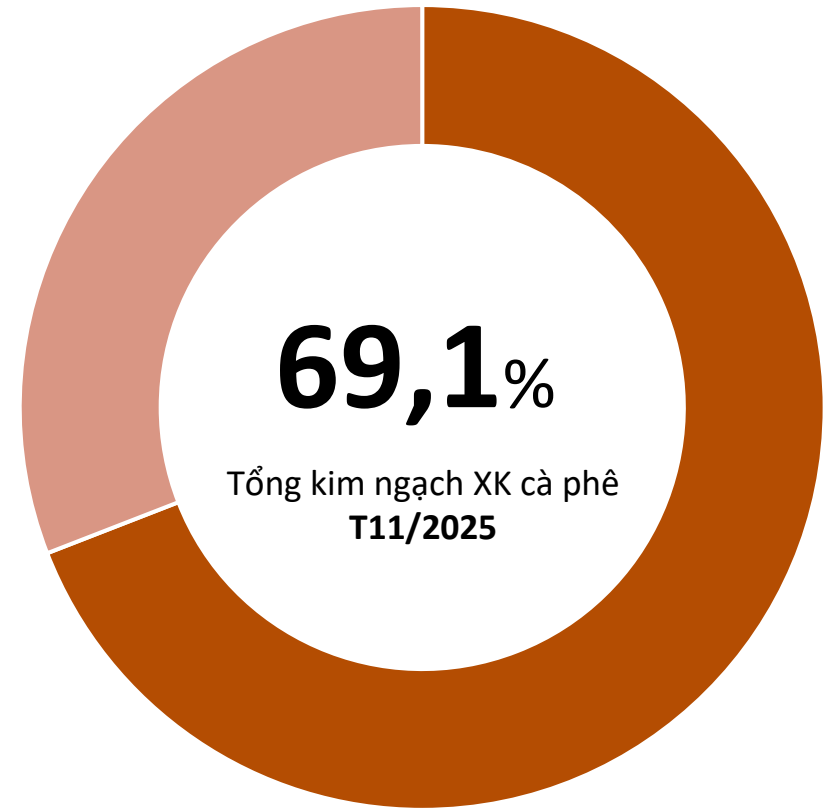


CÀ PHÊ

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), 8 tháng năm 2025, nhập khẩu cà phê của Nhật Bản đạt 250,7 nghìn tấn, trị giá 1,71 tỷ USD, giảm 4,4% về lượng, nhưng tăng 50,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

8 tháng năm 2025, giá bình quân nhập khẩu cà phê vào Nhật Bản đạt mức 6.831 USD/tấn, tăng 57,0% so với cùng kỳ năm 2024. Giá bình quân nhập khẩu cà phê của Nhật Bản từ các thị trường lớn đều tăng so với cùng kỳ năm 2024.

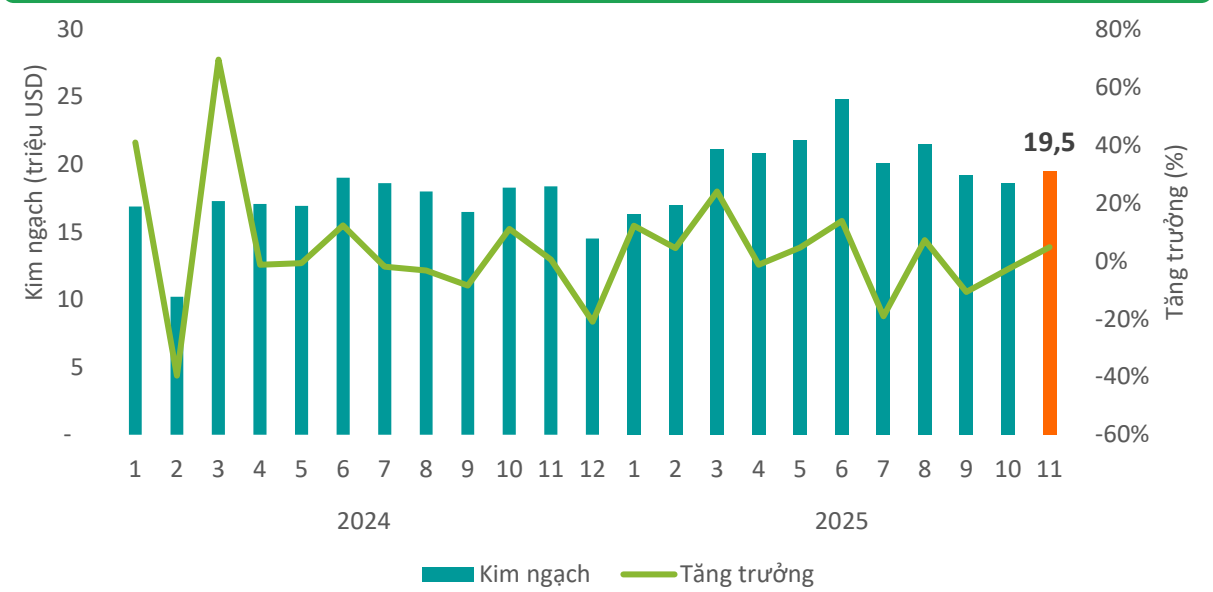
Nhật Bản nhập khẩu cà phê từ 59 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó, Nhật Bản tăng nhập khẩu cà phê từ Brazil, nhưng lượng nhập khẩu từ thị trường Việt Nam, Ethiopia... giảm. Cụ thể: Brazil là nguồn cung cà phê lớn nhất cho Nhật Bản trong 8 tháng đầu năm 2025, đạt 94,3 nghìn tấn, trị giá 597,7 triệu USD, tăng 3,1% về lượng và tăng 72,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần cà phê của Brazil trong tổng lượng nhập khẩu của Nhật Bản tăng từ 34,86% trong 8 tháng đầu năm 2024 lên mức 37,61% trong 8 tháng đầu năm 2025.





RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Giá trị rau quả xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



Kết quả xuất khẩu rau quả sang thị trường Nhật Bản, T11/2025

KIM NGẠCH

19,5
triệu USD

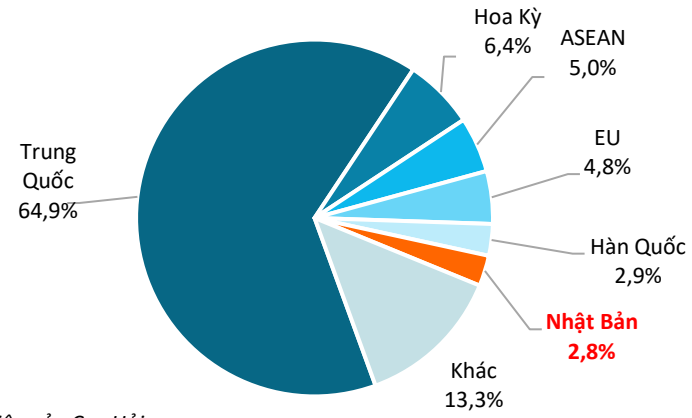
Tăng 4,8% so với T10/2025

Tăng 6,2% so với T11/2024

Cao hơn 2,6 triệu USD so với bình quân theo tháng năm 2024

Lũy kế 11 tháng năm 2025 đạt 220,7 triệu USD, đạt 108,6% kim ngạch 2024

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

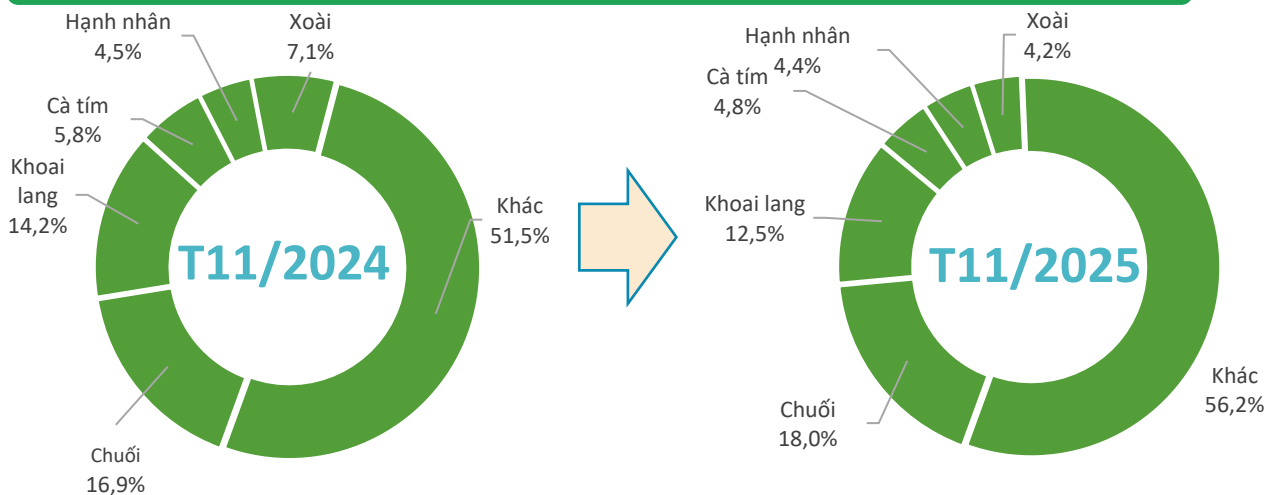
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả XK sang thị trường Nhật Bản, T11/2025





RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



Khoai lang

Kim ngạch: **2,4** triệu USD
Tăng **12,4%** so với T10/2025
Giảm **6,8%** so với T11/2024



Cà tím

Kim ngạch: **0,93** triệu USD
Giảm **29,3%** so với T10/2025
Giảm **12,7%** so với T11/2024



Hạnh nhân

Kim ngạch: **0,85** triệu USD
Tăng **110,2%** so với T10/2025
Tăng **2,5%** so với T11/2024

Kết quả xuất khẩu rau quả sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



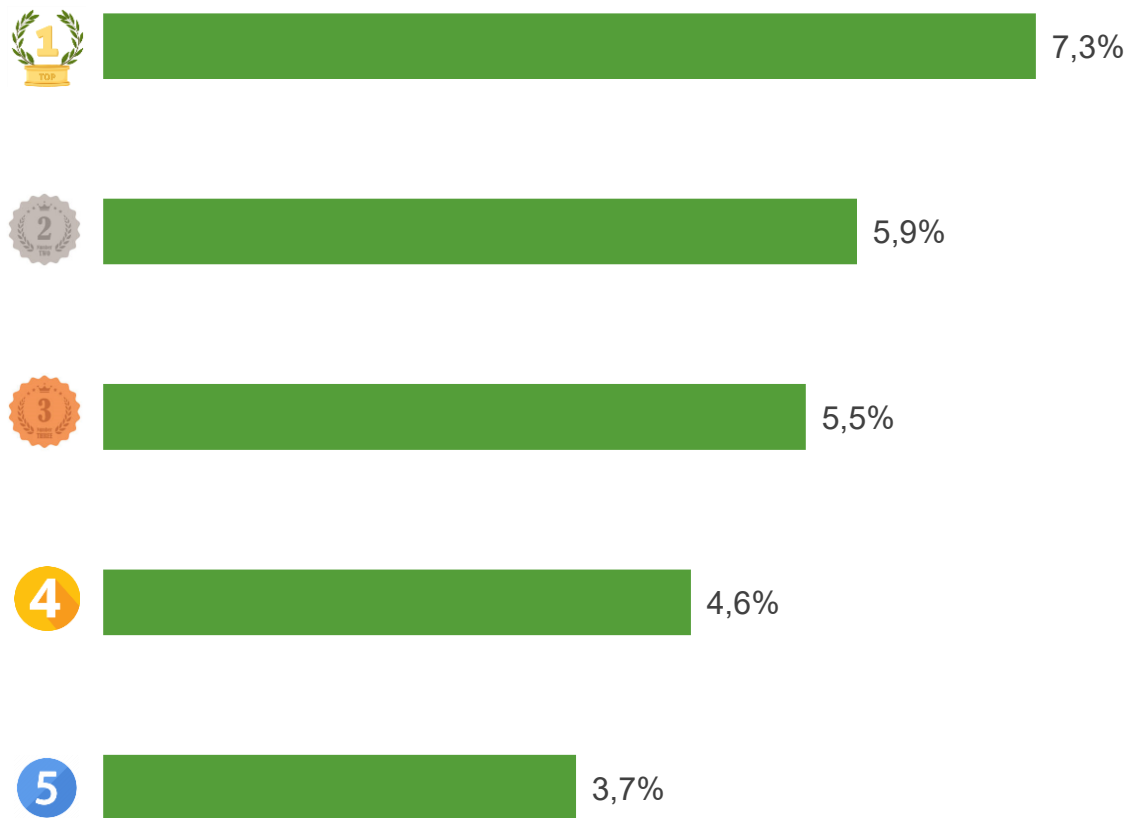
Chuối

Kim ngạch: **3,5** triệu USD
Giảm **6,3%** so với T10/2025
Tăng **13,0%** so với T11/2024

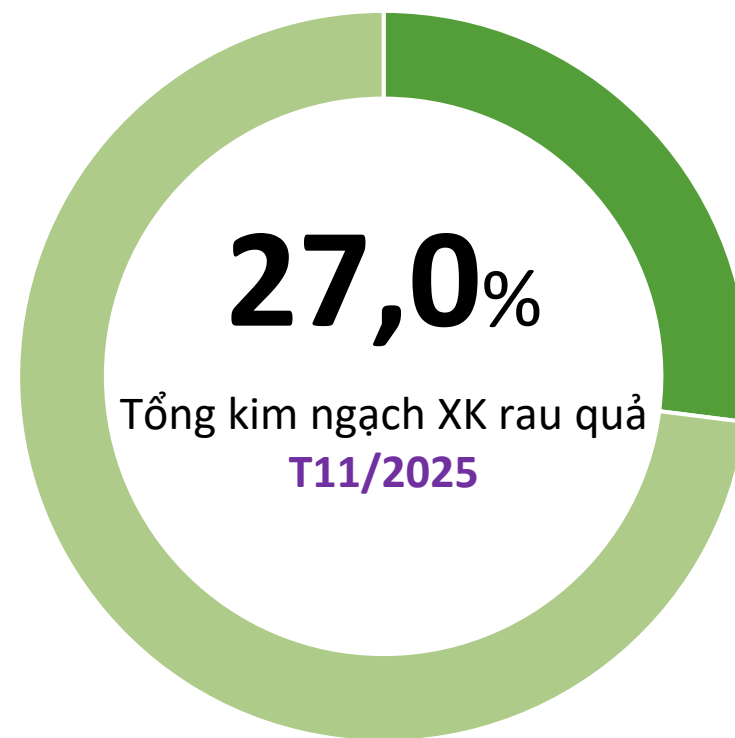


RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang
thị trường Nhật Bản, T11/2025



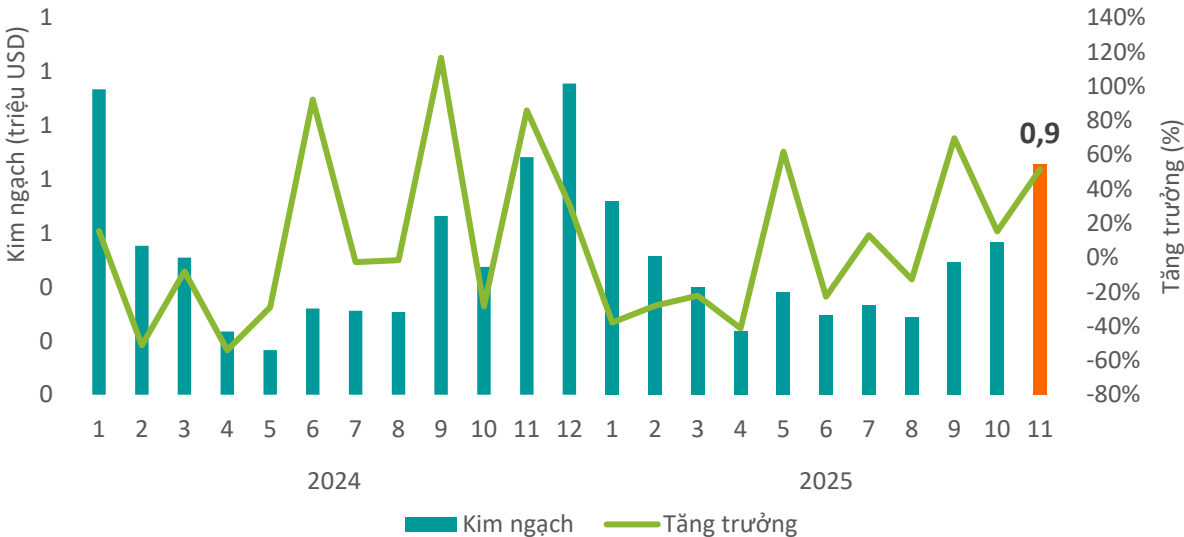
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang
thị trường Nhật Bản, T11/2025





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Giá trị rau quả nhập khẩu từ thị trường Nhật Bản, T11/2025



Kết quả nhập khẩu rau quả từ thị trường Nhật Bản, T11/2025

KIM NGẠCH



0,4

triệu USD

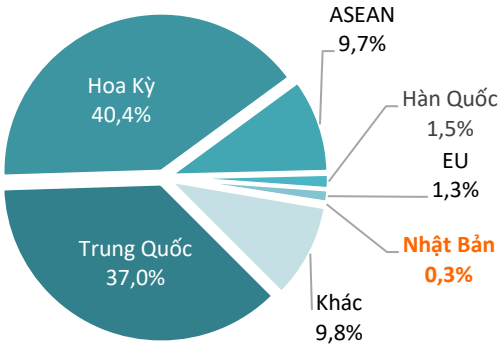
Tăng **51,5%** so với T10/2025

Giảm **2,9%** so với T11/2024

Thấp hơn **297,4 nghìn USD** so với bình quân theo tháng năm 2024

Lũy kế 11 tháng năm 2025 đạt **5,1 triệu USD**, đạt **75,7%** kim ngạch 2024

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam NK từ thị trường Nhật Bản, T11/2025



Biến động tỷ trọng giá trị rau quả VN NK từ thị trường Nhật Bản, T11/2025



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan



Tin liên quan

Nông dân trồng táo ở Aomori, Nhật Bản chuyển sang trồng đào do nhiệt độ tăng cao

Nông dân trồng táo ở khu vực Tsugaru, tỉnh Aomori đang gặp khó khăn do biến đổi khí hậu, khi các giống táo không còn phù hợp với nhiệt độ tăng cao, gây hỏng trái. Một số nông dân đã chuyển sang trồng đào "Tsugaru no momo", loại đào có hàm lượng đường trên 11% và ít bị ảnh hưởng bởi nhiệt.

Diện tích trồng đào ở khu vực này đã tăng từ 48 ha vào năm 2015 lên 73 ha vào năm 2023, với hơn 200 nông dân tham gia. Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản hỗ trợ nông dân chuyển sang các giống trái cây chịu nhiệt và lắp đặt lưới che bóng để duy trì sản xuất trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Nguồn: Freshplaza.com



Nhật Bản lập kỷ lục mới về giá hồng cao cấp

Phiên đấu giá đầu tiên của thương hiệu hồng cao cấp Tenka Fubu – dòng sản phẩm được tỉnh Gifu phát triển từ giống hồng Neo Sweet diễn ra tại chợ đầu mối Toyoyama. Hai trái hồng thuộc cấp chất lượng cao nhất đã được bán với giá 1,11 triệu yen (tương đương khoảng 7.350 USD).

Thương hiệu Tenka Fubu chỉ được sử dụng cho các quả hồng Neo Sweet đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt, với tên gọi đồng âm với con dấu nổi tiếng “tenka fubu” của lãnh chúa Oda Nobunaga vào cuối thế kỷ XVI. Hồng Tenka Fubu được phân thành ba hạng, nhóm cao nhất có độ ngọt trên 25 Brix, vượt xa mức khoảng 16 Brix của các giống hồng phổ biến như fuyu-gaki.

Phiên đấu giá cho thấy sức hút ổn định của trái cây siêu cao cấp Nhật Bản và vai trò của hệ thống phân hạng chất lượng trong việc định hình giá trị thị trường.



ĐIỀU

Khối lượng và giá trị điều xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



Kết quả xuất khẩu điều sang thị trường Nhật Bản, T11/2025

KIM NGẠCH
6,78 triệu USD

↗ Tăng **3,9%** so với T10/2025

↘ Giảm **11,0%** so với T11/2024

↗ Cao hơn **1,5 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2024

❖ Lũy kế 11 tháng năm 2025 đạt **79 triệu USD**, đạt **124%** kim ngạch năm 2024

KHỐI LƯỢNG
940 tấn

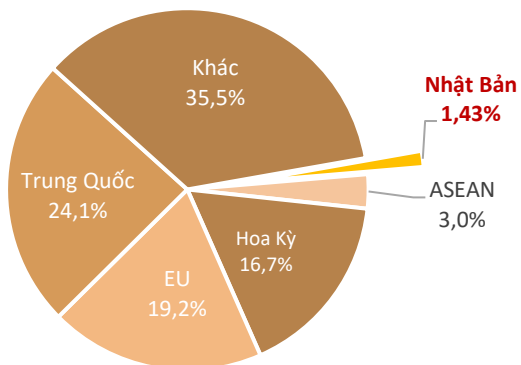
↘ Giảm **1,2%** so với T10/2025

↘ Giảm **16,2%** so với T11/2024

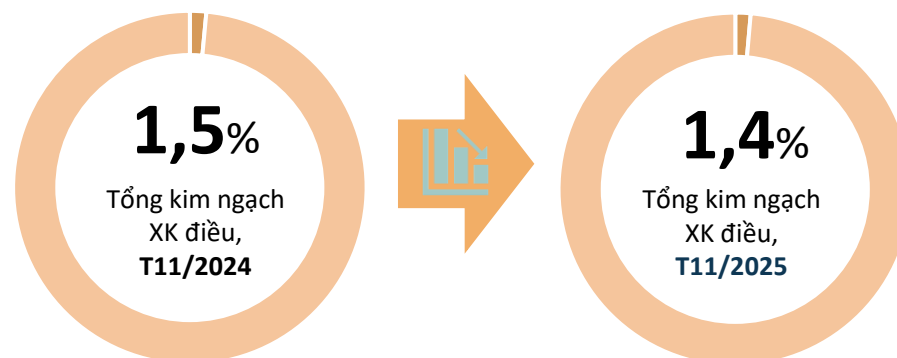
↗ Cao hơn **100 tấn** so với bình quân theo tháng năm 2024

❖ Lũy kế 11 tháng năm 2025 đạt **11 nghìn tấn**, đạt **108%** khối lượng năm 2024

Tỷ trọng giá trị điều của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



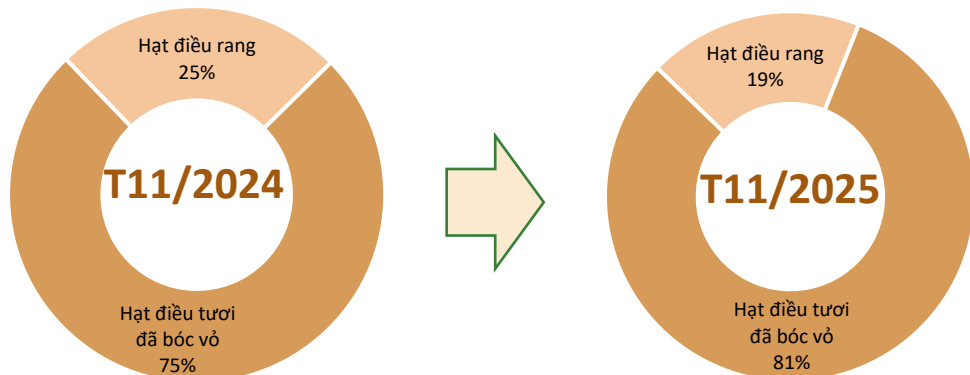
Biến động tỷ trọng giá trị điều của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



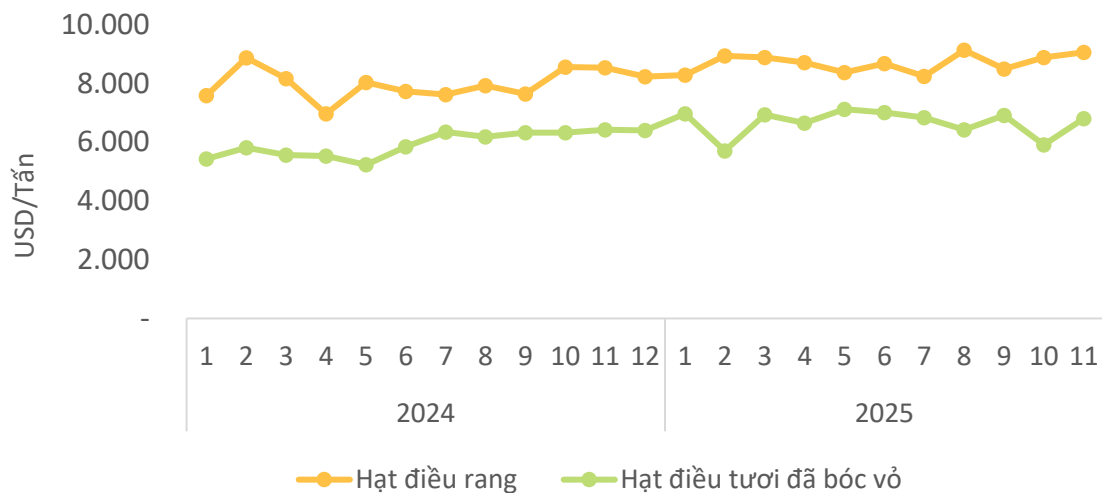


ĐIỀU

Cơ cấu chủng loại điều xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



Giá điều xuất khẩu bình quân sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



Kết quả xuất khẩu điều sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



Điều tươi đã bóc vỏ

Kim ngạch: **5,51** triệu USD

Tăng **19%** so với T10/2025

Giảm **6,3%** so với T11/2024



Điều rang

Kim ngạch: **1,28** triệu USD

Giảm **33%** so với T10/2025

Giảm **26,8%** so với T11/2024

Điều tươi đã bóc vỏ

Giá xuất khẩu bình quân trong T11/2025 ở mức **6.795** USD/tấn; **tăng 15,2%** so với tháng trước; và **tăng 5,9%** so với cùng kỳ năm 2024.

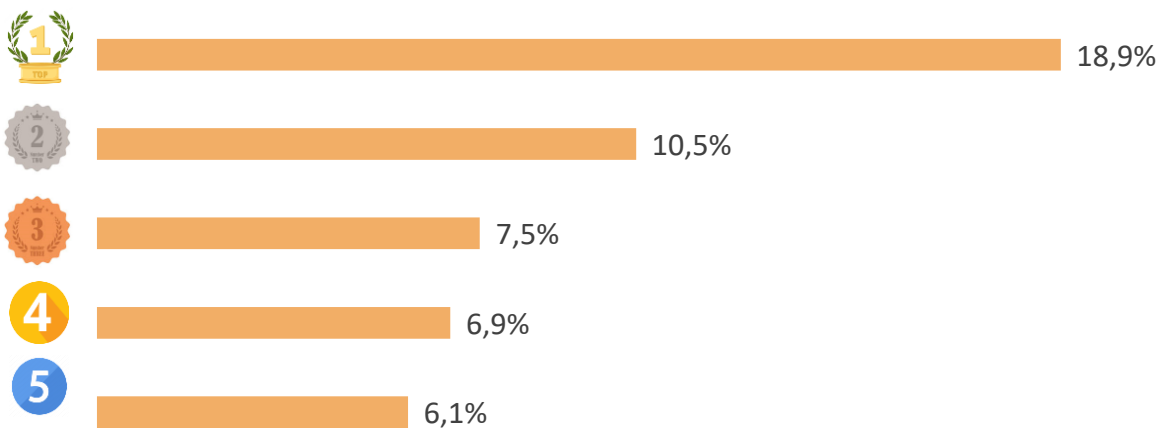
Điều rang

Giá xuất khẩu bình quân trong T11/2025 ở mức **9.053** USD/tấn; **tăng 2,0%** so với tháng trước; và **tăng 6,2%** so với cùng kỳ năm 2024.

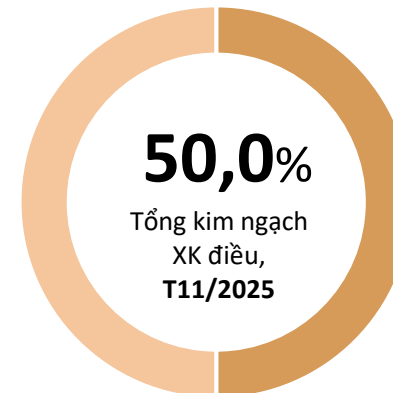


ĐIỀU

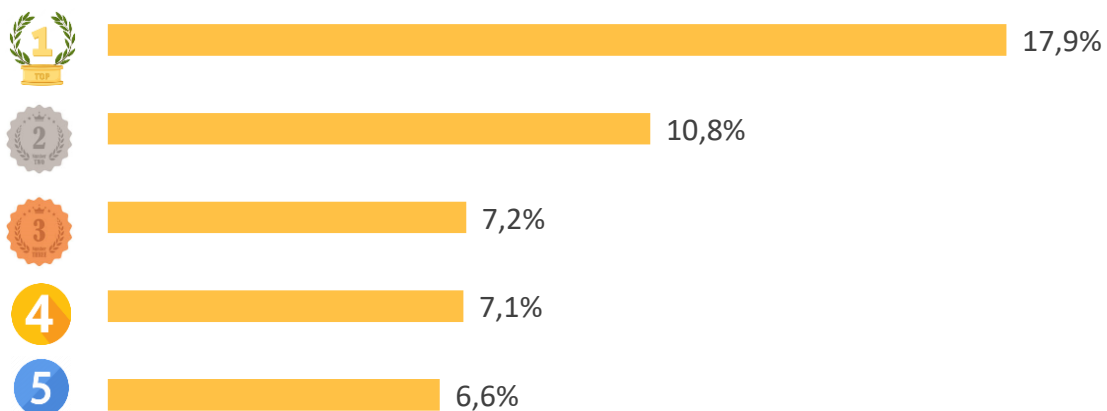
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



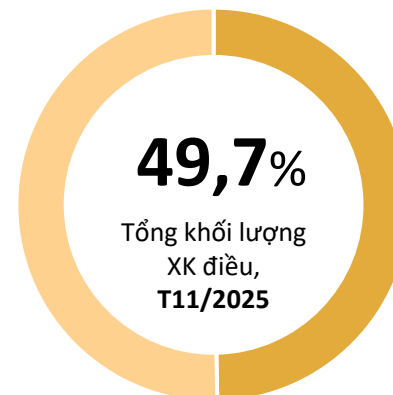
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



Xuất khẩu điều sang Nhật Bản gặp nhiều thách thức

Trong tháng 11/2025, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang Nhật Bản đạt khoảng 6,78 triệu USD với khối lượng 940 tấn. So với tháng trước, kim ngạch tăng nhẹ 3,9% trong khi khối lượng giảm 1,2%. So với cùng kỳ năm 2024, xuất khẩu sang Nhật Bản giảm 11,0% về giá trị và 16,2% về lượng, cho thấy sức mua chưa phục hồi hoàn toàn trong bối cảnh tiêu dùng thận trọng và áp lực chi phí tại thị trường này.

Về cơ cấu thị trường, Nhật Bản hiện chỉ xếp khoảng thứ 11 trong số các thị trường nhập khẩu hạt điều của Việt Nam, chiếm khoảng 1,43% tổng kim ngạch xuất khẩu. Các doanh nghiệp xuất khẩu phải chịu sự cạnh tranh gay gắt từ các loại hạt thay thế và yêu cầu rất cao về chất lượng, an toàn thực phẩm và tiêu chuẩn kỹ thuật.

Trong trung hạn, dư địa tăng trưởng tại Nhật Bản được đánh giá không lớn về lượng, song vẫn có tiềm năng về giá trị nếu doanh nghiệp Việt Nam tập trung vào phân khúc chất lượng cao, sản phẩm chế biến sâu và đáp ứng tốt hơn các tiêu chuẩn khắt khe của thị trường này.

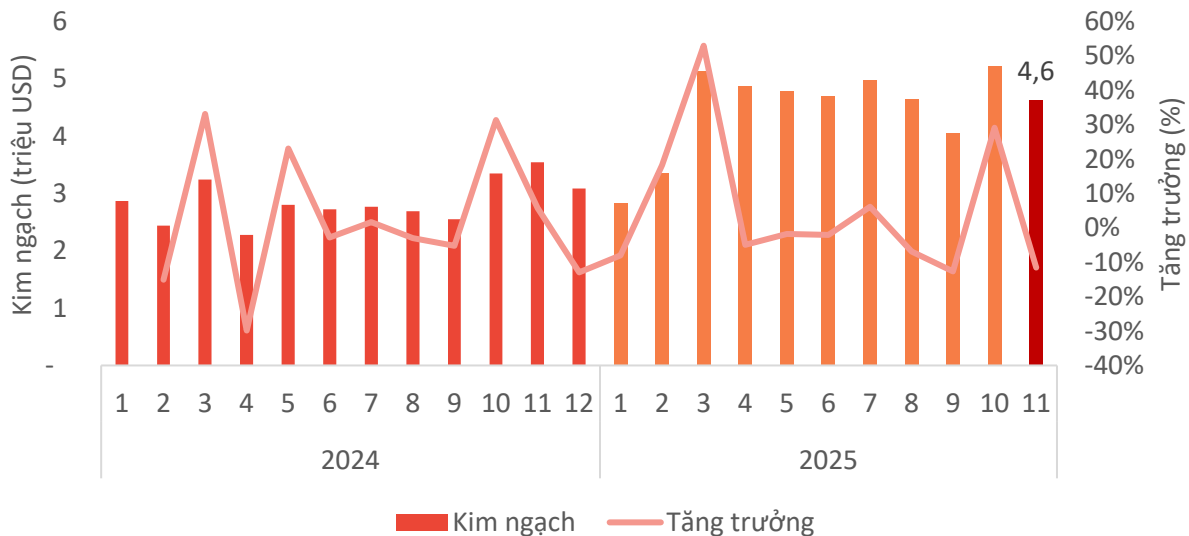
Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam





THỊT VÀ SP TỪ THỊT (XK)

Giá trị xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



Kết quả xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Nhật Bản, T11/2025

KIM NGẠCH



4,63
triệu USD

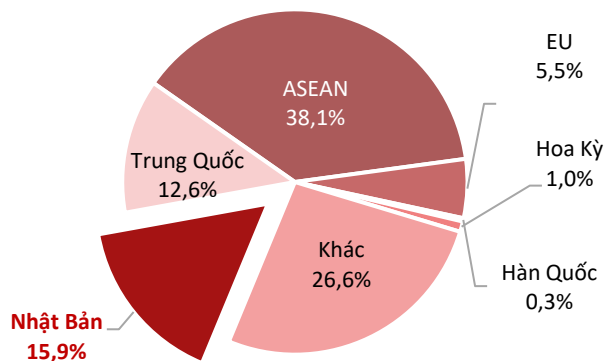
Giảm **11%** so với T10/2025

Tăng **30,5%** so với T11/2024

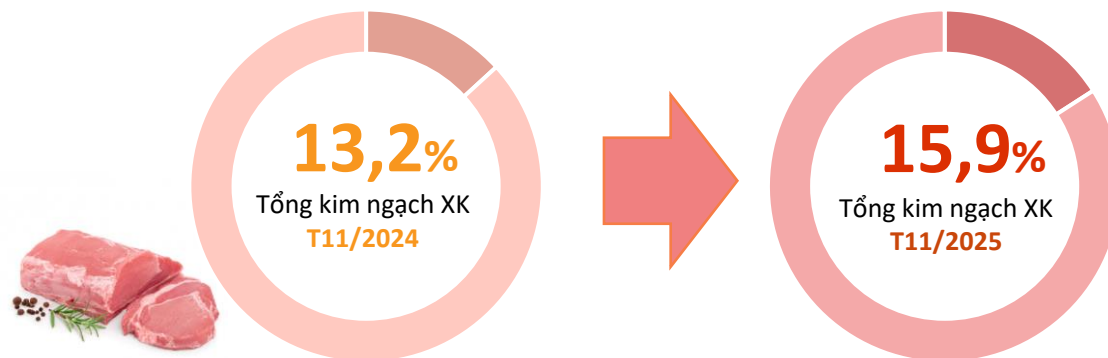
Cao hơn **1,8 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2024

♦ Lũy kế 11 tháng 2025 đạt **49,2 triệu USD**, đạt **143,3%** kim ngạch 2024

Tỷ trọng giá trị XK thịt và SP từ thịt của VN sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



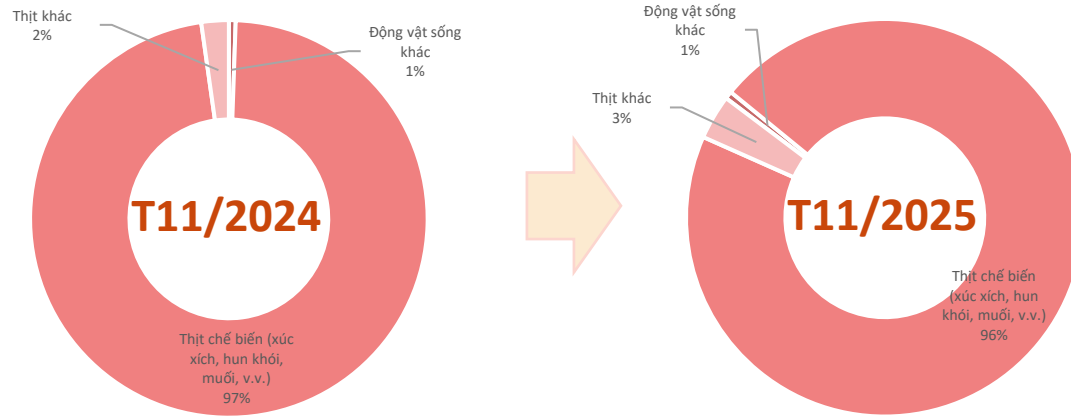
Biến động tỷ trọng giá trị thịt & SP từ thịt của VN sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



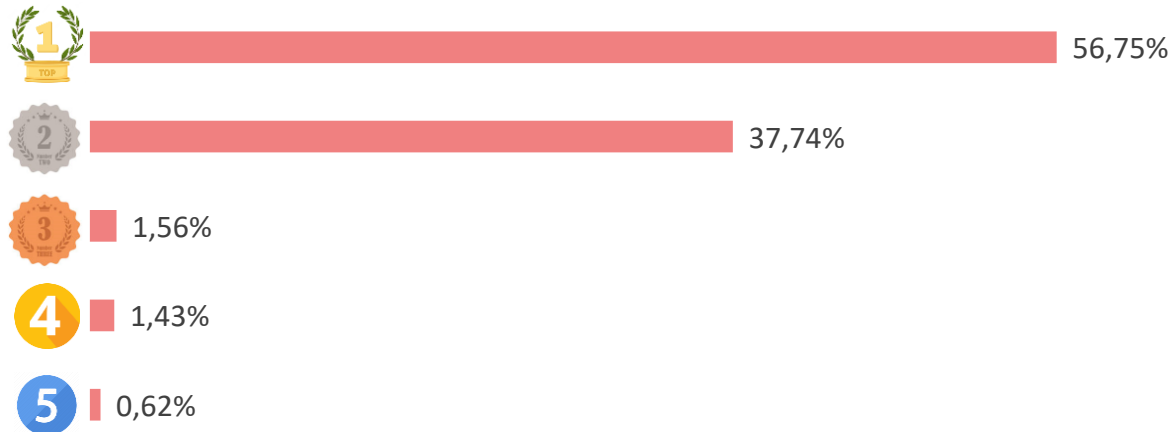


THỊT VÀ SP TỪ THỊT (XK)

Cơ cấu chủng loại thịt và SP từ thịt xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu thịt và SP từ thịt lớn nhất sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



Kết quả xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Nhật Bản, T11/2025



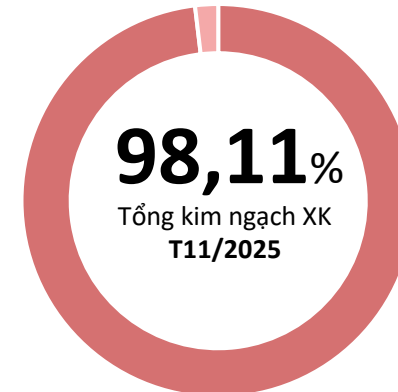
Thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối,...)

Kim ngạch: **4,4** triệu USD

Tăng **1,3%** so với T10/2025

Tăng **28,6%** so với T11/2024

Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Nhật Bản, T11/2025





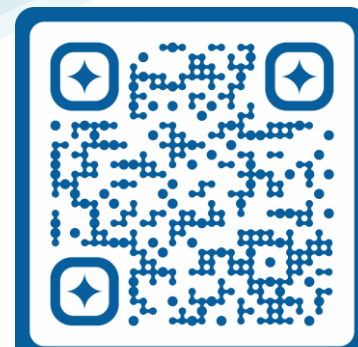
Ý kiến góp ý, xin vui lòng gửi đến:

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: thongtinhitruong@ipsard.gov.vn; info@agro.gov.vn

Website: <http://agro.gov.vn/>



Xem thêm báo cáo